Evidenční štítek

Oznámení o zahájení (opětovném zahájení) samostatné výdělečné činnosti

OSSZ/PSSZ: CHEB

Razítko OSSZ/PSSZ:

Variabilní symbol důchodového pojištění – vyplní OSSZ/PSSZ:

Variabilní symbol nemocenského pojištění – vyplní OSSZ/PSSZ:

1. Identifikace osoby samostatně výdělečně činné (OSVČ)

1. Titul	2. Jméno	3. Příjmení	4. Rodné číslo	5. Datum narození
	NAM	NGUYEN VAN	710512/0345	12.05.1971

6. Rodné příjmení	7. Všechna dřívější příjmení	8. Pohlaví[1]
NGUYEN	/	MUŽ

9. Místo narození	10. Stát	11. Státní občanství	12. IČ
BAC GIANG	VIETNAM	VNM	48112233

Adresa trvalého pobytu

13. Ulice	14. Číslo popis./orient.	15. Obec	16. PSČ (Post Code)	17. Stát
NOVÁ	1234/5	CHEB	35002	ČR

Adresa pobytu v ČR (je-li trvalý pobyt mimo ČR)

18. Ulice	19. Číslo popis./orient.	20. Obec	21. PSČ (Post Code)
NOVÁ	1234/5	CHEB	350 02

Kontaktní adresa

22. Ulice	23. Číslo popis./orient.	24. Obec	25. PSČ (Post Code)	26. Stát
/	/	/	/	/

27. Telefon	28. Fax	29. E-mail
777456123	/	/

2. Údaje o samostatně výdělečné činnosti (SVČ)

30. Datum zahájení (opětovného zahájení) SVČ	31. SVČ jsem oprávněn/a vykonávat od:
1.7.2010	1.7.2010

3. Údaje o důchodovém pojištění v cizině

32. Jiný stát, na jehož území je výdělečná činnost vykonávána	33. OSVČ je (byla) účastna sociálního pojištění na území toho státu[2]
/	ANO / (NE)

Cizozemský nositel pojištění

34. Název	35. Cizozemské číslo pojištění
/	/

36. Ulice	37. Číslo popis./orient.	38. Obec	39. PSČ (Post Code)	40. Stát
/	/	/	/	/

4. Vedlejší samostatná výdělečná činnost

Splňuji podmínku pro výkon vedlejší SVČ z důvodu:

Název a adresa zaměstnavatele

41. ☐ Zaměstnání od:

42. ☐ Nároku na výplatu částečného nebo plného invalidního důchodu nebo přiznání starobního důchodu

Uveďte: 43. Druh pobíraného důchodu | 44. Plátce důchodu | 45. Starobní důchod přiznán od: | 46. Částečný/plný invalidní důchod vyplácen od:

47. ☐ Nároku na rodičovský příspěvek nebo na peněžitou pomoc v mateřství (PPM) nebo nemocenské z důvodu těhotenství a porodu, z nemocenského pojištění zaměstnanců, není-li nárok na PPM od:

48. ☐ Péče o závislou osobu od:

49. ☐ Výkon vojenské služby od:

50. ☐ Nezaopatřené dítě[3] od:

ČSSZ – 89 532 5 I/2009

2 9 9 0 4 6 1 6 9 6

Vysvětlivky:

1 Vyplní cizí státní příslušník, který nemá přidělené rodné číslo
2 Nehodící se škrtněte
3 Nezaopatřené dítě dle ust. § 20 odst. 3 písm. a) zákona č. 155/1995 Sb., v platném znění (studium)

ČSSZ – 89 532 5 I/2009

5. Údaje o osobě, se kterou je vykonávána spolupráce

51. Titul	52. Jméno	53. Příjmení	54. Rodné číslo	55. Datum narození
	BAC	NGUYEN VAN	720718/2345	18.7.1972

56. Rodné příjmení	57. IČ
NGUYEN	62517384

Adresa trvalého pobytu nebo adresa hlášeného pobytu v ČR není-li trvalý pobyt v ČR

58. Ulice	59. Číslo popis./orient.	60. Obec	61. PSČ (Post Code)	62. Stát
NOVÁ	1234/5	CHEB	350 02	ČR

6. Přihláška k účasti na nemocenském pojištění OSVČ

63. K účasti na pojištění se přihlašuji od: /

64. Název zdravotní pojišťovny /

7. Údaje o nemocenském pojištění

65. Název předchozího orgánu, který prováděl nemocenské pojištění, pokud jím není ČSSZ: /

66. Název orgánu, který v současnosti provádí nemocenské pojištění, pokud jím není ČSSZ: /

67. Předchozí doba účasti na nemocenském pojištění v cizině od: / do: /

Cizozemský nositel nemocenského pojištění

68. Název: /

69. Cizozemské číslo pojištění: /

70. Ulice	71. Čís. pop./orient.	72. Obec	73. PSČ (Post Code)	74. Stát
/	/	/	/	/

8. Číslo účtu, ze kterého bude hrazeno pojistné

75. Předčíslí účtu - 76. Číslo účtu / 77. Kód banky

Prohlašuji, že uvedené údaje jsou pravdivé a že jsem si vědom/a povinnosti hlásit změny.

78. Datum	79. Podpis OSVČ	80. Počet příloh
1.7.2010	Nam	3

Vysvětlivky:

1 Vyplní cizí státní příslušník, který nemá přidělené rodné číslo

2 Nehodící se škrtněte

3 Nezaopatřené dítě dle ust. § 20 odst. 3 písm. a) zákona č. 155/1995 Sb., v platném znění (studium)

OSSZ/PSSZ – Phòng bảo hiểm xã hội

Thông báo bắt đầu kinh doanh (Thực hiện lại việc kinh doanh)

Oznámení o zahájení (opětovném zahájení) samostatní výdělečné činnosti.

(Điền lần lượt từng ô từ trái sang phải, từ trên xuống dưới)

OSSZ/PSSZ – Phòng bảo hiểm xã hội theo địa chỉ thường trú: Ví dụ Cheb, Praha 4,…

(1). Số liệu về người đăng ký BHXH (OSVČ – người có thu nhập từ kinh doanh):

1. Học vị.
2. Tên.
3. Họ.
4. Số sinh.
5. Ngày tháng năm sinh.
6. Họ cũ (người việt không gh, dành cho phụ nữ Séc, vì thay đổi theo họ chồng).
7. Tất cả các họ khác nếu có (người việt không ghi).
8. Giới tính.
9. Nơi sinh.
10. Quốc gia nơi sinh
11. Quốc tịch.
12. Số đăng ký kinh doanh (IČO).

Địa chỉ thường trú- Nếu không có cư trú vĩnh viễn ở Séc, thì ghi địa chỉ ở VN.

13. Phố.
14. Số nhà (số lô đất)
15. Số nhà(số cửa tòa nhà)
16. Số bưu điện.
17. Quốc gia – ČR.

Địa chỉ thường trú ở Séc: Ai có cư trú ở Séc cũng phải điền vào.

18. Phố.
19. Số nhà (số lô đất)
20. Số nhà(số cửa tòa nhà)
21. Số bưu điện.

Địa chỉ liên lạc : (Chỉ phải điền nếu địa chỉ đó khác với đ/c cư trú)

22. Phố.
23. Số nhà (số lô đất)
24. Số nhà(số cửa tòa nhà)
25. Số bưu điện.
26. Quốc gia – ČR.
27. Số điện thọai.
28. Fax.
29. Hộp thư điện tử.

(2). Số liệu về kinh doanh.

30. Ngày bắt đầu kinh doanh hoặc thực hiện lại kinh doanh.
31. Giấy phép kinh doanh có hiệu lực từ : (theo ngày đăng ký tòa thương mại, theo výpis của phòng kinh doanh).

(3). Số liệu liên quan đến đăng ký bảo hiểm hưu trí ở nước ngoài. (Phần này đa số người Việt không phải điền).

(4). Kinh doanh phụ khác có thu nhập. (dành cho những người làm công ăn lương thêm, đa số người Việt không phái điền)

(5). Số liệu của người hợp tác trong kinh doanh.

51. Học vị.

52. Tên.
53. Họ.
54. Số sinh.
55. Ngày tháng năm sinh.
56. Họ cũ (người việt không gh, dành cho phụ nữ Séc, vì thay đổi theo họ chồng).
57. Số đăng ký kinh doanh (IČO).
58.

Địa chỉ thường trú ở Séc: Ai có cư trú ở Séc cũng phải điền vào.

59. Phố.
59.Số nhà (số lô đất)
60. Số nhà(số cửa tòa nhà)
61. Số bưu điện.
62. Quốc gia – ČR.

(6). Đăng ký tham gia bảo hiểm khi ốm,bệnh của người kinh doanh.- người việt chưa có thói quen tham gia loại bảo hiểm này. Nên không điền.

(7). Số liệu để đăng ký tham gia bảo hiểm khi ốm, bệnh của người kinh doanh.- người việt chưa có thói quen tham gia loại bảo hiểm này. Nên không điền.

(8). Số tài khỏan , từ đó chuyển tiền trả bảo hiểm.

75. Số trước của số tài khỏan (số thể hiện theo loại khỏan do qui định của ngân hàng).
76. Số tài khỏan.
77. Kod của NH.
78. Ngày khai báo.
79. Chữ ký của người đăng ký.
80. Tổng số giấy tờ gửi kèm theo phiếu đăng ký này.

Ing. Nguyễn Doãn Trường